Chi tiết mã HS 9617.00.20

Mã HS	9617.00.20
Mô tả hàng hóa	Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh; bộ phận của chúng trừ ruột thủy tinh / - Các bộ phận, trừ ruột thủy tinh
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:24:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/96170020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18987
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18987
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18987
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18260
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18189
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18189
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18189
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18189
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18189
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18189
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18245
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18245
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18245

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18245
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18245
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18245
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E18246
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F18246
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18246
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18246
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18246
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18246
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18251
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18208
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F18203
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G18203
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H18203
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I18203
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J18203
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K18203
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18251
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18251
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18251
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18251
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18251
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18251
VCFTA	2022	2022	6	VC!D18315
VCFTA	2023	2023	3	VC!E18315
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18315

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18315
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18315
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18315
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18289
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18289
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18289
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18289
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18289
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18289
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18282
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18282
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18282
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18282
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18282
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18282
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18312
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18312
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18312
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18312
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18312
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18312
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18311
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18311
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18311
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18311
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18311
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18405
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18405
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18405
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18405
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18405
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18405
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18405
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D18276
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E18276
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F18276
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G18276
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H18276
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I18276
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D18276
RCEP B	2023	2023	20	B!E18276
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F18276
RCEP B	2025	2025	15	B!G18276
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H18276
RCEP B	2027	2027	10	B!I18276
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D18274
RCEP C	2023	2023	20	C!E18274
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F18274
RCEP C	2025	2025	15	C!G18274
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H18274
RCEP C	2027	2027	10	C!I18274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D18273
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E18273
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F18273
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G18273
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H18273
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I18273
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D18278
RCEP E	2023	2023	20	E!E18278
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F18278
RCEP E	2025	2025	15	E!G18278
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H18278
RCEP E	2027	2027	10	E!I18278
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D18276
RCEP F	2023	2023	20	F!E18276
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F18276
RCEP F	2025	2025	15	F!G18276
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H18276
RCEP F	2027	2027	10	F!I18276
VIFTA	2024	2024	21,4	VI!F17129
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17129
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17129
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17129

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9617.00 có 2 dòng thuế; dòng 9617.00.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các bộ phận, trừ ruột thủy tinh.	9617.00.10 Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9617.00.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9617.00.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18987), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.